

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2023/DS-PT
Ngày 30 tháng 3 năm 2023
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Tăng Trần Quỳnh Phương

Các Thẩm phán:

Ông Lê Thanh Hùng

Ông Trương Thanh Dũng

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Hồng Đào – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:* Ông Trương Trung Tín - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 167/2022/TLPT-DS ngày 09 tháng 11 năm 2022 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 120/2022/DS-ST ngày 30 tháng 09 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh L, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 09/2022/QĐ-PT ngày 09 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Đồng nguyên đơn: Ông Trịnh Văn T, sinh năm 1981 (có mặt)

Bà Lý Thị Hồng Đ, sinh năm 1982 (có mặt)

Cùng địa chỉ ấp Trà H, xã Châu T, huyện Vĩnh L, tỉnh Bạc Liêu.

2. Đồng bị đơn: Ông Tào Thanh T1, sinh năm 1956 (có mặt)

Bà Ngô Kim C, sinh năm 1958 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ ấp Trà H, xã Châu T, huyện Vĩnh L, tỉnh Bạc Liêu.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1947 (vắng mặt)

3.2. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1953 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ ấp Trà H, xã Châu T, huyện Vĩnh L, tỉnh Bạc Liêu.

3.3. Ngân hàng N

Trụ sở: Số 198 Trần Quang K, phường L, quận Hoàn K, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Mã Kim K, văn bản ủy quyền ngày 22/02/2023 (có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện đề ngày 25 tháng 01 năm 2022 và các lời khai tiếp theo tại Tòa án, đồng nguyên đơn ông Trịnh Văn T và bà Lý Thị Hồng Đ trình bày: Vào năm 2017, vợ chồng Ông T, Bà Đ với vợ chồng Ông T1, bà C thỏa thuận đổi đất với nhau. Vợ chồng Ông T, Bà Đ có phần đất ngang 3m, dài 20m, diện tích đo đạc thực tế 53,4m², đổi với Ông T1, bà C đất trồng lúa có chiều ngang 4,5m, dài 33m, diện tích đo đạc thực tế 126,6m². Khi đổi đất chỉ thỏa thuận miệng, không lập văn bản. Năm 2018, Ông T1 tự ý xây đường bê tông trên phần đất nhận đổi của vợ chồng Ông T, Bà Đ khi chưa được sự đồng ý của vợ chồng Ông T, Bà Đ. Mục đích đổi đất, Ông T1 nhận đất của vợ chồng Ông T, Bà Đ làm đường đi; vợ chồng Ông T, Bà Đ nhận đất của Ông T1 trồng hoa màu. Việc đổi đất này vẫn chưa tách quyền sử dụng đất. Quá trình sử dụng, hai bên có phát sinh mâu thuẫn, nay vợ chồng Ông T, Bà Đ yêu cầu chấm dứt việc đổi đất với Ông T1, bà C. Vợ chồng Ông T, Bà Đ đã trả đất cho Ông T1, bà C, nhưng Ông T1, bà C chưa trả lại đất cho vợ chồng Ông T, Bà Đ. Nay vợ chồng Ông T, Bà Đ yêu cầu Ông T1, bà C trả phần đất nhận đổi có diện tích đo đạc thực tế 53,4m² do Ông T đứng tên quyền sử dụng đất.

Bị đơn ông Tào Thanh T1, và bà Ngô Kim C trình bày: Vào năm 2018, vợ chồng T1, bà C với vợ chồng Ông T, Bà Đ thỏa thuận đổi đất với nhau. Vợ chồng Ông T1 có phần đất trồng lúa có chiều ngang 4,5m, dài 33m, diện tích đo đạc thực tế 126,6m², Ông T có phần đất vườn ngang 3m, dài 20m, diện tích đo đạc thực tế 53,4m², hai bên thỏa thuận đổi đất với nhau, không lập văn bản.

Quá trình đổi đất vẫn chưa tách quyền sử dụng đất, phần đất nhận đổi của Ông T, vợ chồng Ông T1, bà C sử dụng, đổ bê tông làm đường đi. Phần đất của vợ chồng Ông T1 nhận sử dụng lấy đất đắp nền nhà, còn lại cải tạo ao nuôi cá và trồng dừa làm ranh. Nay vợ chồng Ông T1, bà C đồng ý yêu cầu khởi kiện của Bà Đ, Ông T về việc trả cho Ông T, Bà Đ phần đất tranh chấp 53,4m². Tuy nhiên, ngoài lối đi này, gia đình Ông T1, bà C không còn lối đi nào khác. Do đó, vợ chồng Ông T1, bà C yêu cầu Tòa án mở lối đi trên phần đất tranh chấp mà vợ chồng Ông T1, bà C nhận đổi của vợ chồng Ông T, Bà Đ, phần lối đi ngang 1m, dài 16,565m cập kênh Ngọc Em, có diện tích đo đạc thực tế 15,38m². Vợ chồng Ông T1, bà C đồng ý thanh toán giá trị đất theo giá thị trường cho Ông T, Bà Đ. Hiện trên lối đi này, ngoài hai vợ chồng Ông T1, bà C đi, còn có hai vợ chồng bà T2, ông M cùng đi.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn M, bà Nguyễn Thị T xác định: Hiện vợ chồng ông M có đi trên phần đất mà Ông T1 với Ông T tranh chấp. Ngoài lối đi này, vợ chồng ông M không còn lối đi nào khác. Do đó, vợ chồng ông M, bà T2 yêu cầu Tòa án mở lối đi trên phần diện tích ngang 1m, dài 16,565m cập kênh Ngọc Em, có diện tích đo đạc thực tế 15,38m², có vị trí như lối đi mà vợ chồng Ông T1, bà C yêu cầu. Vợ chồng ông M đồng ý cùng vợ chồng Ông T1, bà C thanh toán giá trị đất cho vợ chồng Ông T, Bà Đ.

Đại diện Ngân hàng N: trình bày: Ông T1, bà C có vay tiền tại Ngân hàng và có thể chấp Quyền sử dụng đất liên quan đến phần đất mà Ông T, Ông T1 đang tranh chấp. Nay Ngân hàng không đặt ra tranh chấp hay yêu cầu gì trong vụ án này. Sau này không thỏa thuận, Ngân hàng sẽ khởi kiện ở vụ án khác.

Từ nội dung nêu trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 120/2022/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh L, tỉnh Bạc Liêu đã tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trịnh Văn T, bà Lý Thị Hồng Đ đối với ông Tào Thanh T1, bà Ngô Kim C về việc chấm dứt giao dịch đổi quyền sử dụng đất đối với phần đất tọa lạc ấp Trà H, xã Châu T, huyện Vĩnh L, tỉnh Bạc Liêu.

1.1. Buộc ông Trịnh Văn T, bà Lý Thị Hồng Đ trả cho ông Tào Thanh T1, bà Ngô Kim C phần đất có diện tích đo đạc thực tế 126,6m² thuộc thửa 695, tọa lạc ấp Trà H, xã Châu T, huyện Vĩnh L, tỉnh Bạc Liêu, do ông Tào Thanh T1 đứng tên Quyền sử dụng đất năm 2010, (tuyên tứ cạnh kèm theo).

1.2. Buộc ông Tào Thanh T1, bà Ngô Kim C trả cho ông Trịnh Văn T, bà Lý Thị Hồng Đ phần đất có diện tích đo đạc thực tế 53,4m² tại thửa 1496, tờ bản đồ số 09, tọa lạc ấp Trà H, xã Châu T, huyện Vĩnh L, tỉnh Bạc Liêu, do ông Trịnh Văn T đứng tên quyền sử dụng đất năm 2015 (tuyên tứ cạnh kèm theo).

1.3. Buộc ông Tào Thanh T1, bà Ngô Kim C có trách nhiệm di dời phần bê tông có diện tích 22m² để trả cho ông Trịnh Văn T, bà Lý Thị Hồng Đ phần đất có diện tích, vị trí như ở mục 1.2 phần Quyết định của Bản án này.

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Tào Thanh T1, bà Ngô Kim C đối với ông Trịnh Văn T, bà Lý Thị Hồng Đ; chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị T đối với ông Trịnh Văn T, bà Lý Thị Hồng Đ về việc mở lối đi đối với phần đất có diện tích đo đạc thực tế 15,38m² có vị trí cập kênh Ngọc Em, tại thửa 1496, tờ bản đồ số 09, tọa lạc ấp Trà H, xã Châu T, huyện Vĩnh L, tỉnh Bạc Liêu, do ông Trịnh Văn T đứng tên quyền sử dụng đất năm 2015 (tuyên tứ cạnh kèm theo).

2.1. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Tào Thanh T1, bà Ngô Kim C, ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị T về việc thanh toán cho ông Trịnh Văn T, bà Lý Thị Hồng Đ giá trị phần đất mở lối đi và giá trị cây gừa có trên đất tranh chấp với số tiền 12.000.000 đồng.

Buộc ông Tào Thanh T1, bà Ngô Kim C có trách nhiệm thanh toán cho ông Trịnh Văn T, bà Lý Thị Hồng Đ số tiền 6.000.000 đồng; buộc ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị T có trách nhiệm thanh toán cho ông Trịnh Văn T, bà Lý Thị Hồng Đ số tiền 6.000.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh L.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2.2. Buộc ông Trịnh Văn T, bà Lý Thị Hồng Đ có trách nhiệm di dời 01 cái miếu có kết cấu bê tông, cốt thép có diện tích $0,6m^2$ để giao ông Tào Thanh T1, bà Ngô Kim C, ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị T.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, quyền, nghĩa vụ liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để đăng ký biến động quyền sử dụng đất và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 03/10/2022, đồng nguyên đơn là ông Trịnh Văn T, bà Lý Thị Hồng Đ kháng cáo một phần bản án, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa một phần án sơ thẩm theo hướng Ông T, Bà Đ không đồng ý nhường 01m chiều ngang dài khoảng 16m để Ông T1, bà C, ông M, bà T2 làm lối đi chung.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông T, Bà Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và nội dung kháng cáo.

Bị đơn Ông T1 giữ nguyên lời khai tại tòa án cấp sơ thẩm, thống nhất với nội dung quyết định của bản án Dân sự sơ thẩm số 120/2022/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh L, không có ý kiến khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của Ông T, Bà Đ, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 120/2022/DS-ST ngày 12 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh L, tỉnh Bạc Liêu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến tranh luận của các đương sự và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của Ông T, Bà Đ trong thời hạn luật định, Ông T, Bà Đ đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm. Căn cứ vào Điều 273 và Điều 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự được chấp nhận xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Bà C, ông M, bà T2 đã được triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vắng mặt; Ngân hàng N có yêu cầu xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[2] Xét kháng cáo của ông Trịnh Văn T, bà Lý Thị Hồng Đ yêu cầu sửa án sơ thẩm theo hướng không đồng ý mở lối đi đối với phần đất có diện tích đo đạc thực tế $15,38m^2$ có vị trí cập kênh Ngọc Em, tại thửa 1496, tờ bản đồ số 09, tọa lạc ấp Trà H, xã Châu T, huyện Vĩnh L, tỉnh Bạc Liêu cho ông Tào Thanh T1, bà Ngô Kim C, ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị T.

[2.1] Hội đồng xét xử thấy rằng:

Các đương sự thống nhất phần đất tranh chấp $15,38m^2$ có vị trí cập kênh Ngọc Em, tại thửa 1496, tờ bản đồ số 09, tọa lạc ấp Trà H, xã Châu T, huyện Vĩnh L có tứ cạnh như sau:

Hướng đông giáp kênh Ngọc Em;

Hướng tây giáp phần đất còn lại của Ông T kiện Ông T1;

Hướng nam giáp đất Ông T1 đang quản lý sử dụng;

Hướng bắc giáp đường bê tông 2,5m.

Xét thấy, phần đất tranh chấp là lối đi thuận tiện nhất của gia đình Ông T1, ông M để ra lộ công cộng, ngoài lối đi này, gia đình Ông T1, ông M không còn lối đi nào khác nên yêu cầu mở lối đi chung trên phần đất tranh chấp của Ông T1, bà C, ông M, bà T2 là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 254 Bộ luật dân sự. Do đó, cần buộc Ông T, Bà Đ phải dành một phần đất có diện tích $15,38m^2$ (chiều ngang giáp kênh Ngọc Em 1m, dài 16,565m) theo hướng cập kênh Ngọc Em cho gia đình Ông T1, bà C, ông M, bà T2 làm đường đi chung có vị trí như đã nêu trên. Đồng thời, gia đình Ông T1, bà C, ông M, bà T2 phải có trách nhiệm thanh toán giá trị phần đất được dành mở lối đi chung cho gia đình Ông T, Bà Đ theo giá thị trường.

Trên phần đất tranh chấp có 02 cây mít do Ông T1 trồng, đối với 02 cây mít này cần tiếp tục giữ nguyên hiện trạng vì nó nằm trên phần đất tranh chấp lối đi được giao cho Ông T1, bà C, ông M, bà T2; 01 cái miếu có kết cấu bê tông cốt thép, mái thiếc, diện tích $0,6m^2$ do gia đình Ông T, Bà Đ quản lý, phần kết cấu công trình không dính với đất nên dễ di chuyển. Do vậy, cần buộc Ông T, Bà Đ di dời cái miếu nêu trên để giao cho Ông T1, bà C, ông M, bà T2 phần đất lối đi này.

Căn cứ biên bản định giá ngày 18/4/2022, Hội đồng định giá xác định phần đất tranh chấp có giá thị trường 300.000 đồng/ m^2 . Như vậy, phần đất tranh chấp mở lối đi có giá $15,38m^2 \times 300.000 \text{ đồng}/m^2 = 4.614.000$ đồng. Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm, Ông T1, ông M tự nguyện thanh toán cho Ông T, Bà Đ giá trị phần đất (bao gồm luôn cây gừa tự mọc trên đất) mà Ông T1, bà C, ông M, bà T2 yêu cầu mở lối đi với số tiền 12.000.000 đồng. Do đó, cấp sơ thẩm buộc Ông T1, bà C có trách nhiệm thanh toán cho Ông T, Bà Đ số tiền 6.000.000 đồng; buộc ông M, bà T2 có trách nhiệm thanh toán cho Ông T, Bà Đ số tiền 6.000.000 đồng là phù hợp.

[2.2]. Ông Tào Thanh T1, bà Ngô Kim C, ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị T có quyền, nghĩa vụ đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để kê khai, đăng ký biến động quyền sử dụng đất đối với phần đất có diện tích $15,38m^2$, vị trí như đã nêu trên do Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh L cấp cho ông Trịnh Văn T năm 2015, tại thửa 1496, tờ bản đồ số 6, tọa lạc ấp Trà H, xã Châu T, huyện Vĩnh L, tỉnh Bạc Liêu theo quy định pháp luật.

Do dành một phần đất có diện tích 15,38m² cho gia đình Ông T1, bà C, ông M, bà T2 làm đường đi chung nên diện tích đất Ông T hiện tại có sự thay đổi so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX932432 mà UBND huyện Vĩnh L đã cấp cho ông Trịnh Văn T ngày 27/4/2015; Ông T có quyền, nghĩa vụ đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để kê khai, đăng ký biến động quyền sử dụng đất đối với diện tích đất còn lại của thửa đất 1496 nêu trên. Cấp sơ thẩm không tuyên phần này là thiếu sót, cấp phúc thẩm điều chỉnh lại cho phù hợp.

[3] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Ông T, Bà Đ; Chấp nhận ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên; Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 120/2022/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh L, tỉnh Bạc Liêu.

[4] Án phí dân sự phúc thẩm: Ông T, Bà Đ phải chịu theo quy định của pháp luật.

[5] Các phần Quyết định khác của Bản án dân sự sơ thẩm số: 120/2022/DS-ST ngày 30 tháng 09 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh L, tỉnh Bạc Liêu không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Trịnh Văn T, bà Lý Thị Hồng Đ. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 120/2022/DS-ST ngày 30 tháng 09 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh L, tỉnh Bạc Liêu.

Căn cứ vào khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 124, 131, 500, 501, 502, 503 Bộ luật Dân sự; các Điều 105, 106, 203 Luật Đất đai; Điều 79 Nghị định số 43/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trịnh Văn T, bà Lý Thị Hồng Đ đối với ông Tào Thanh T1, bà Ngô Kim C về việc chấm dứt giao dịch đối quyền sử dụng đất đối với phần đất tọa lạc ấp Trà H, xã Châu T, huyện Vĩnh L, tỉnh Bạc Liêu.

1.1. Buộc ông Trịnh Văn T, bà Lý Thị Hồng Đ trả cho ông Tào Thanh T1, bà Ngô Kim C phần đất có diện tích đo đạc thực tế 126,6m² thuộc thửa 695, tọa lạc ấp Trà H, xã Châu T, huyện Vĩnh L, tỉnh Bạc Liêu, do ông Tào Thanh T1 đứng tên quyền sử dụng đất năm 2010, có vị trí như sau:

Hướng đông giáp đất Ông T1 đang quản lý, sử dụng;

Hướng tây giáp đất Ông T1 đang quản lý sử dụng;

Hướng nam giáp đất Ông T1 đang quản lý sử dụng;

Hướng bắc giáp đất Ông T, Bà Đ đang quản lý, sử dụng;

1.2. Buộc ông Tào Thanh T1, bà Ngô Kim C trả cho ông Trịnh Văn T, bà Lý Thị Hồng Đ phần đất có diện tích đo đạc thực tế 53,4m² tại thửa 1496, tờ bản đồ số 09, tọa lạc ấp Trà H, xã Châu T, huyện Vĩnh L, tỉnh Bạc Liêu, do ông Trịnh Văn T đứng tên quyền sử dụng đất năm 2015 có vị trí như sau:

Hướng đông giáp kênh Ngọc Em;

Hướng tây giáp đất Ông T đang quản lý sử dụng;

Hướng nam giáp đất Ông T1 đang quản lý sử dụng;

Hướng bắc giáp đường bê tông 2,5m;

1.3. Buộc ông Tào Thanh T1, bà Ngô Kim C có trách nhiệm di dời phần bê tông có diện tích 22m² để trả cho ông Trịnh Văn T, bà Lý Thị Hồng Đ phần đất có diện tích, vị trí như ở mục 1.2 phần Quyết định của Bản án này.

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Tào Thanh T1, bà Ngô Kim C đối với ông Trịnh Văn T, bà Lý Thị Hồng Đ; chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị T đối với ông Trịnh Văn T, bà Lý Thị Hồng Đ về việc mở lối đi đối với phần đất có diện tích đo đạc thực tế 15,38m² có vị trí cập kênh Ngọc Em, tại thửa 1496, tờ bản đồ số 09, tọa lạc ấp Trà H, xã Châu T, huyện Vĩnh L, tỉnh Bạc Liêu, do ông Trịnh Văn T đứng tên quyền sử dụng đất năm 2015 có vị trí như sau:

Hướng đông giáp kênh Ngọc Em;

Hướng tây giáp phần đất còn lại của Ông T kiện Ông T1

Hướng nam giáp đất Ông T1 đang quản lý sử dụng;

Hướng bắc giáp đường bê tông 2,5m;

(Trích đo thửa đất tranh chấp là bộ phận không thể tách rời bản án)

2.1. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Tào Thanh T1, bà Ngô Kim C, ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị T về việc thanh toán cho ông Trịnh Văn T, bà Lý Thị Hồng Đ giá trị phần đất mở lối đi và giá trị cây gừa có trên đất tranh chấp với số tiền 12.000.000 đồng.

Buộc ông Tào Thanh T1, bà Ngô Kim C có trách nhiệm thanh toán cho ông Trịnh Văn T, bà Lý Thị Hồng Đ số tiền 6.000.000 đồng; buộc ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị T có trách nhiệm thanh toán cho ông Trịnh Văn T, bà Lý Thị Hồng Đ số tiền 6.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải

chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2.2. Buộc ông Trịnh Văn T, bà Lý Thị Hồng Đ có trách nhiệm di dời 01 cái miếu có kết cấu bê tông, cốt thép có diện tích 0,6m² để giao ông Tào Thanh T1, bà Ngô Kim C, ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị T phần đất 15,38m² có vị trí, diện tích như ở mục 2 phần Quyết định của Bản án này.

3. Ông Tào Thanh T1, bà Ngô Kim C, ông Nguyễn Văn M, bà Nguyễn Thị T, có quyền, nghĩa vụ đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất đối với phần đất 15,38m² đã tuyên ở mục 2 phần Quyết định của Bản án này để làm lối đi chung.

Ông T có quyền, nghĩa vụ đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để kê khai, đăng ký biến động quyền sử dụng đất đối với diện tích đất còn lại của thửa đất 1496, tờ bản đồ số 09, tọa lạc ấp Trà H, xã Châu T, huyện Vĩnh L, tỉnh Bạc Liêu, do ông Trịnh Văn T đứng tên quyền sử dụng đất.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch: Bà C, Ông T1, ông M và bà T2 được miễn toàn bộ án phí.

Ngoài ra, Ông T, Bà Đ phải chịu án phí dân sự không có giá ngạch đối với yêu cầu phản tố của Ông T1, bà C và yêu cầu độc lập của ông M, bà T2 được chấp nhận với số tiền án phí 600.000 đồng. Ông T, Bà Đ đã nộp tạm ứng án phí với số tiền 300.000 đồng theo biên lai số 0000847 ngày 15 tháng 02 năm 2022, đối trừ số tiền án phí, Ông T, Bà Đ phải nộp thêm số tiền án phí 300.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh L.

Án phí dân sự phúc thẩm: Ông T, Bà Đ phải chịu là 300.000 đồng. Ông T, Bà Đ đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0001272 ngày 02/11/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh L, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí.

5. Về chi phí tố tụng: Ông T1, bà C phải chịu số tiền chi phí thẩm định, định giá là 2.143.896 đồng. Ông T, Bà Đ đã nộp tạm ứng số tiền 2.143.896 đồng. Như vậy, Ông T1, bà C có trách nhiệm thanh toán lại cho Ông T, Bà Đ số tiền 2.143.896 đồng.

6. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- TAND huyện Vĩnh L;
- CCTHADS huyện Vĩnh L;
- Dương sự;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Lưu, Tổ HCTP.

Tăng Trần Quỳnh Phương